

**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ  
XÂY DỰNG HÀ TĨNH**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 10/06/2015**

**Đã được kiểm toán**



**CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG HÀ TĨNH**

Đ/c: Khối 3 - Phường Đại Nài - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

---

<b>NỘI DUNG</b>	<b>Trang</b>
<b>Báo cáo của Ban Giám đốc</b>	02 - 03
<b>Báo cáo Kiểm toán độc lập</b>	04 - 05
<b>Báo cáo tài chính đã được kiểm toán</b>	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 20

102  
CỔ  
ÁCH  
IÊN  
TÂN  
VIỆ  
VH

# CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG HÀ TĨNH

Đ/c: Khối 3 - Phường Đại Nài - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và xây dựng Hà Tĩnh (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 10/06/2015.

### KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và xây dựng Hà Tĩnh được thành lập trên cơ sở chuyển đổi loại hình doanh nghiệp theo Quyết định 1649/QĐ-UBND ngày 09 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, tiền thân là Công ty cấp nước Hà Tĩnh. Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2804000318 đăng ký lần đầu ngày 01/07/2010, thay đổi lần thứ nhất ngày 25/06/2014. Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất và kinh doanh nước sạch; kiểm định đồng hồ đo nước;
- Sản xuất, kinh doanh các loại vật tư, thiết bị công nghệ chuyên ngành cấp, thoát nước và xây dựng;
- Tư vấn lập dự án đầu tư, thiết kế, giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật, cấp, thoát nước và xây dựng dân dụng;
- Thi công xây dựng, lắp đặt, cải tạo các công trình cấp, thoát nước, xử lý nước thải;
- Thi công các công trình công nghiệp dân dụng.

Trụ sở chính của Công ty tại Khối 3, phường Đại Nài, Thành phố Hà Tĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH TRONG KỲ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngày 20/3/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh. Theo Quyết định này thì vốn điều lệ của Công ty là 196.995.880.000 đồng tương ứng 19.699.588 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: cổ phần Nhà nước nắm giữ là 18.835.688 cổ phần, chiếm 95,62% vốn điều lệ; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là 410.100 cổ phần, chiếm 2,08% vốn điều lệ; cổ phần bán đấu giá công khai là 453.800 cổ phần, chiếm 2,30% vốn điều lệ.

### CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ngày 11/06/2015 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu với mã số doanh nghiệp 3000101973 với số vốn điều lệ là 196.995.880.000 đồng tương ứng 19.699.588 cổ phần.

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 11/06/2015 và đã tiến hành đổi con dấu. Theo đó, dấu đóng trên các báo cáo quyết toán đã được kiểm toán là dấu mới của Công ty cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

### THÀNH VIÊN BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên Ban Giám đốc, kế toán trưởng đã điều hành Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 10/06/2015 và cho đến ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Ngọc Vinh	Giám đốc
Ông Phạm Quang Sơn	Phó Giám đốc
Ông Trần Văn Hóa	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Kim Oanh	Kế toán trưởng

## CÔNG TY TNHH MTV CẤP NƯỚC VÀ XÂY DỰNG HÀ TĨNH

Đ/c: Khối 3 - Phường Đại Nài - TP. Hà Tĩnh - Tỉnh Hà Tĩnh

---

### KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến 10/06/2015 của Công ty được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam (AVA).

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính, trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 10/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/06/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Tĩnh, ngày 24 tháng 11 năm 2015  
Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc  
Giám đốc



Võ Ngọc Vinh

74  
TY  
HUU  
AN  
HI  
AI  
-T



Số: ~~4332~~/BCKT/TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Ban Giám đốc****Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh, được lập ngày 05/10/2015, từ trang 06 đến trang 20, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 10/06/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/06/2015 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong kỳ Công ty ghi nhận doanh thu của hoạt động đầu tư xây dựng tài sản cố định tự thực hiện là 7.490.922.727 đồng, giá vốn tương ứng là 6.810.178.513 đồng, lợi nhuận gộp tương ứng là 680.744.214 đồng. Đồng thời Công ty đã xuất hóa đơn, kê khai thuế Giá trị gia tăng đầu ra cho tài sản cố định tự xây dựng với số tiền 749.092.273 đồng nhưng chưa kê khai khấu trừ thuế Giá trị gia tăng đầu vào (các Dự án cấp nước sinh hoạt xã Thạch Tân, huyện Thạch Hà và cấp nước sinh hoạt xã Xuân Viên, huyện Nghi Xuân, cơ cấu 75% nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia về nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn và 25% vốn góp của địa phương và người hưởng lợi).

Cục thuế Thành phố Hà Tĩnh đã thực hiện kiểm tra quyết toán thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/5/2015, theo biên bản kiểm tra quyết toán thuế này thì số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty là 0 (không) đồng, nhưng Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày

HẠN VÀ PHỤ

10/6/2015, Công ty đang xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp là 1.146.692.146 đồng theo Nghị định số 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm dịch vụ công ích.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty tại ngày 01/01/2015 là (4.345.904.846) đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/6/2015 là (1.783.140.955) đồng, nhưng Công ty vẫn đang thực hiện trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty dẫn đến lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 10/6/2015 giảm đi số tiền là 3.878.765.309 đồng và quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban quản lý điều hành Công ty tăng lên số tiền tương ứng.

#### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh tại ngày 10/06/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/06/2015, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



---

**LÊ NGỌC KHUÊ**

**P. Giám đốc**

*Giấy CNĐKHNKT số 0665-2014-126-1*

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 26 tháng 11 năm 2015

---

**NGUYỄN QUANG THIÊN**

**Kiểm toán viên**

*Giấy CNĐKHNKT số 3322-2015-126-1*





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 10 tháng 06 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			10/06/2015	01/01/2015
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>62.439.350.176</b>	<b>58.669.652.446</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.01</b>	<b>28.575.304.386</b>	<b>21.368.357.157</b>
1. Tiền	111		13.188.231.381	3.070.745.785
2. Các khoản tương đương tiền	112		15.387.073.005	18.297.611.372
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>V.02</b>	<b>8.387.885.467</b>	<b>13.162.500.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.387.885.467	13.162.500.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>15.312.514.780</b>	<b>14.999.304.090</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	<b>V.03</b>	12.560.137.916	10.986.217.312
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		527.201.264	1.778.367.122
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	<b>V.04</b>	2.225.175.600	2.293.334.773
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		-	(79.095.857)
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	20.480.740
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.06</b>	<b>10.157.667.278</b>	<b>8.969.107.124</b>
1. Hàng tồn kho	141		10.157.667.278	8.969.107.124
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.978.265</b>	<b>170.384.075</b>
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		5.978.265	-
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	<b>V.12</b>	-	170.384.075
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>283.097.297.432</b>	<b>284.715.100.369</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>265.885.512.140</b>	<b>279.325.775.883</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>V.07</b>	265.508.303.114	279.078.992.549
- Nguyên giá	222		480.824.338.102	500.679.270.079
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(215.316.034.988)	(221.600.277.530)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>V.08</b>	377.209.026	246.783.334
- Nguyên giá	228		474.573.926	302.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(97.364.900)	(55.216.666)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>14.117.161.669</b>	<b>3.341.861.675</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	<b>V.09</b>	14.117.161.669	3.341.861.675
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.094.623.623</b>	<b>2.047.462.811</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>V.10</b>	3.094.623.623	2.047.462.811
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>345.536.647.608</b>	<b>343.384.752.815</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 10 tháng 06 năm 2015  
( Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng	
			10/06/2015	01/01/2015
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>131.649.065.282</b>	<b>122.620.179.116</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>25.846.679.182</b>	<b>12.748.470.474</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	7.925.966.903	3.884.265.166
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		824.300.570	389.155.409
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.867.873.730	403.360.096
4. Phải trả người lao động	314		4.312.618.597	5.097.895.670
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	268.703.579	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	7.378.016.089	906.971.664
7. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		3.269.199.714	2.066.822.469
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>105.802.386.100</b>	<b>109.871.708.642</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	105.802.386.100	109.871.708.642
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>213.887.582.326</b>	<b>220.764.573.699</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>213.887.582.326</b>	<b>220.764.573.699</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		215.340.214.156	205.387.366.435
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	15.565.464.183
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	1.105.005.200
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.331.282.830)	(4.345.904.846)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(4.345.904.846)	(10.000.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(6.985.377.984)	(4.335.904.846)
5. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		9.878.651.000	3.052.642.727
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>345.536.647.608</b>	<b>343.384.752.815</b>

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ( )

Tp Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Đâu Thị Mai Hạnh

Trần Thị Kim Oanh

Võ Ngọc Vinh



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/06/2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: đồng Từ 01/01/2015 đến 10/06/2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.16	38.131.934.207
2. Các khoản giảm trừ	02	V.17	133.669.605
- Giảm giá hàng bán	02b		133.669.605
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		37.998.264.602
4. Giá vốn hàng bán	11	V.18	28.646.008.961
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.352.255.641
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.19	692.975.701
7. Chi phí tài chính	22	V.20	2.647.297.780
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.647.297.780
8. Chi phí bán hàng	25	V.21	5.772.168.555
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	V.21	3.572.185.711
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.946.420.704)
11. Thu nhập khác	31		250.049.509
12. Chi phí khác	32		86.769.760
13. Lợi nhuận khác	40		163.279.749
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.783.140.955)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.146.692.146
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.929.833.101)

Tp Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đạm Thị Mai Hạnh

Trần Thị Kim Oanh

Võ Ngọc Vinh

020  
CỘNG HÒA  
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
Theo phương pháp trực tiếp  
Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 10/06/2015

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 10/06/2015
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	33.350.858.878
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(14.240.780.079)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(13.761.117.884)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(3.000.358.728)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh (*)	06	24.232.319.148
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(16.908.113.174)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>9.672.808.161</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.891.089.545)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(600.385.467)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.375.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	719.936.622
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>1.603.461.610</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>		
1. Tiền trả nợ gốc vay	34	(4.069.322.542)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(4.069.322.542)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>7.206.947.229</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>21.368.357.157</b>
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>28.575.304.386</b>

(\*) Ghi chú: Tiền thu khác cho hoạt động kinh doanh bao gồm 6.274.744.000 đồng là tiền thu từ vốn đầu tư XDCB ngân sách cấp.

Tp Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Đạm Thị Mai Hạnh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kim Oanh

Giám đốc

Võ Ngọc Vinh

10  
IG  
EMH  
OÁ  
DINH  
NA  
IN





Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

## 2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

### a/ Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

## 3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân liên hoàn;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

## 4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 45 năm
Máy móc, thiết bị	05 - 12 năm
Thiết bị và phương tiện vận tải	06 - 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 12 năm
Tài sản cố định vô hình	5 năm

## 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

## **6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế TNDN được phân phối theo quy định tại Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/07/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

## **7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi đồng thời thoả mãn các điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng và các khoản lãi do chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng và khoản lãi do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.



**8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính:

- Chi phí cho vay và đi vay vốn;

Khoản chi phí trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**9. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.**

Khi ghi nhận một khoản doanh thu, thì sẽ đồng thời ghi nhận một khoản chi phí (giá vốn) tương ứng có liên quan đến việc tạo ra khoản doanh thu đó. Chi phí này gồm chi phí của kỳ tạo ra doanh thu và chi phí của các kỳ trước hoặc chi phí phải trả nhưng liên quan đến doanh thu của kỳ đó.

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt trên mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, được tính ngay vào giá vốn hàng bán trong kỳ theo nguyên tắc thận trọng.

**10. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.**

Chi phí bán hàng phản ánh toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến quá trình tiêu thụ hàng hóa dịch vụ của Công ty như: chi phí chào hàng, quảng cáo, giới thiệu...(không bao gồm bảo hành công trình xây dựng)

Chi phí quản lý phản ánh toàn bộ chi phí chung của Công ty như: lương và các khoản bảo hiểm của nhân viên quản lý Công ty, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài phục vụ khối quản lý Công ty...



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

		10/6/2015		01/01/2015	
		Đơn vị tính: đồng			
1. Tiền					
Tiền mặt		289.752.638		409.782.825	
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn		12.898.478.743		2.660.962.960	
Các khoản tương đương tiền		15.387.073.005		18.297.611.372	
<b>Cộng</b>		<b>28.575.304.386</b>		<b>21.368.357.157</b>	
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn					
2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		10/6/2015		01/01/2015	
		Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
a) Ngắn hạn		8.387.885.467	8.387.885.467	13.162.500.000	13.162.500.000
- Tiền gửi có kỳ hạn		8.387.885.467	8.387.885.467	13.162.500.000	13.162.500.000
3. Phải thu khách hàng		10/6/2015		01/01/2015	
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn					
- UBND xã Thạch Hưng		2.432.460.000		2.432.460.000	
- UBND xã Thạch Đồng		2.252.677.000			
- UBND xã Thạch Trung		1.785.025.000		1.785.025.000	
- UBND xã Thạch Môn		554.761.000		1.124.761.000	
- UBND xã Thạch Hạ		2.947.724.000		2.947.724.000	
- Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư Nam cầu Bến Thủy		1.070.440.000		1.070.440.000	
- Các đối tượng khác		1.517.050.916		1.625.807.312	
<b>Cộng</b>		<b>12.560.137.916</b>		<b>10.986.217.312</b>	
4. Phải thu khác		10/6/2015		01/01/2015	
		Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn		2.225.175.600	-	2.293.334.773	-
- Phải thu khác		1.921.729.159	-	2.033.891.244	-
- Tạm ứng		303.446.441	-	259.443.529	-
<b>Cộng</b>		<b>2.225.175.600</b>	<b>-</b>	<b>2.293.334.773</b>	<b>-</b>
5. Nợ xấu		10/6/2015		01/01/2015	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
a) Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán					
- Phải thu khách hàng		-	-	105.172.657	26.076.800
<b>Cộng</b>		<b>-</b>	<b>-</b>	<b>105.172.657</b>	<b>26.076.800</b>
6. Hàng tồn kho		10/6/2015		01/01/2015	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu		4.967.756.854	-	4.046.981.157	-
Công cụ, dụng cụ		93.719.266	-	62.125.967	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		5.096.191.158	-	4.860.000.000	-
<b>Cộng</b>		<b>10.157.667.278</b>	<b>-</b>	<b>8.969.107.124</b>	<b>-</b>

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Tài sản cố định khác	Cộng
<b>Nguyên giá TSCĐ</b>						
Số dư đầu kỳ	121.276.255.648	36.500.356.677	342.587.428.899	315.228.855		500.679.270.079
Số tăng trong kỳ	-	-	485.217.398	214.054.545	-	699.271.943
- Mua trong năm	-	-	-	214.054.545	-	214.054.545
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	-	-	485.217.398	-	-	485.217.398
Số giảm trong kỳ	15.306.569.743	789.762.943	4.403.128.270	54.742.964	-	20.554.203.920
- Giảm khác (*)	15.306.569.743	789.762.943	4.403.128.270	54.742.964	-	20.554.203.920
Số dư cuối kỳ	105.969.685.905	35.710.593.734	338.669.518.027	474.540.436	-	480.824.338.102
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	67.212.456.561	22.775.821.011	131.530.411.459	81.588.499		221.600.277.530
Số tăng trong kỳ	442.800.081	1.443.073.336	4.796.341.530	98.407.375	-	6.780.622.322
- Khấu hao trong kỳ	442.800.081	1.443.073.336	4.796.341.530	98.407.375	-	6.780.622.322
Số giảm trong kỳ	9.208.172.888	1.094.269.221	2.693.473.420	68.949.335	-	13.064.864.864
- Giảm khác (*)	9.208.172.888	1.094.269.221	2.693.473.420	68.949.335	-	13.064.864.864
Số dư cuối kỳ	58.447.083.754	23.124.625.126	133.633.279.569	111.046.539	-	215.316.034.988
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày đầu kỳ	54.063.799.087	13.724.535.666	211.057.017.440	233.640.356	-	279.078.992.549
Tại ngày cuối kỳ	47.522.602.151	12.585.968.608	205.036.238.458	363.493.897	-	265.508.303.114

(\*) Giảm giá trị tài sản theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 12/09/2014 về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh.

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ		302.000.000	302.000.000
Mua trong kỳ	172.573.926	-	172.573.926
Số dư cuối kỳ	172.573.926	302.000.000	474.573.926
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ		55.216.666	55.216.666
- Khấu hao trong kỳ	15.326.772	26.821.462	42.148.234
Số dư cuối kỳ	15.326.772	82.038.128	97.364.900
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ		246.783.334	246.783.334
Tại ngày cuối kỳ	157.247.154	219.961.872	377.209.026

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	10/6/2015	01/01/2015
+ Mua sắm	1.190.771.445	23.771.444
- Máy đào bánh lốp HYUNDAI ROI BEX 60W-9S	1.190.771.445	23.771.444
+ Xây dựng cơ bản (*)	12.926.390.224	3.318.090.231
- Dự án hệ thống cấp nước xã Thạch Tân	5.600.253.760	716.497.910
- Hệ thống cấp nước xã Xuân Viên	4.005.617.583	421.243.182
- Dây chuyền nước uống tinh khiết, đá lạnh	2.604.280.728	1.458.795.274
- Các công trình khác	716.238.153	721.553.865
<b>Cộng</b>	<b>14.117.161.669</b>	<b>3.341.861.675</b>

(\*) Trong đó giá trị đầu tư xây dựng đã ghi nhận doanh thu là 7.490.922.727 đồng



10. Chi phí trả trước dài hạn	10/6/2015	01/01/2015
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản	216.364.344	212.072.506
- Chi phí công cụ, dụng cụ	720.143.816	730.389.823
- Sản xuất nước tinh khiết	196.395.338	-
- Chi phí trả trước khác	1.961.720.125	1.105.000.482
<b>Cộng</b>	<b>3.094.623.623</b>	<b>2.047.462.811</b>

11. Phải trả người bán ngắn hạn	10/6/2015	01/01/2015
<i>a) Phải trả người bán ngắn hạn</i>		
- Công ty TNHH công nghệ xử lý nước và môi trường Phần Lan	215.685.400	615.685.400
- Phạm Văn Thanh	2.122.086.500	1.179.774.500
- Phạm Văn Thọ	790.974.440	240.974.440
- Các đối tượng khác	4.797.220.563	1.847.830.826
<b>Cộng</b>	<b>7.925.966.903</b>	<b>3.884.265.166</b>

12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2015
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	793.919.806	520.008.621	273.911.185
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.146.692.146	-	1.146.692.146
Thuế thu nhập cá nhân	30.035.483	-	30.035.483	-
Thuế tài nguyên	6.298.596	36.682.126	31.696.191	11.284.531
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.840.720	2.840.720	-
Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	11.000.000	11.000.000	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	367.026.017	1.929.222.035	1.860.262.184	435.985.868
<b>Cộng</b>	<b>403.360.096</b>	<b>3.920.356.833</b>	<b>2.455.843.199</b>	<b>1.867.873.730</b>
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nộp thừa	170.384.075	170.384.075	-	-
<b>Cộng</b>	<b>170.384.075</b>	<b>170.384.075</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13. Phải trả khác	10/6/2015	01/01/2015
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Kinh phí công đoàn	56.177.056	14.163.076
Bảo hiểm xã hội	189.670	-
Phải trả về cổ phần hóa	6.998.600.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	39.720.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	283.329.363	892.808.588
<b>Cộng</b>	<b>7.378.016.089</b>	<b>906.971.664</b>



14. Vay và nợ thuê tài chính	Giá trị	10/6/2015	Tăng	Trong năm		01/01/2015
		Số có khả năng trả nợ		Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	105.802.386.100	105.802.386.100	-	4.069.322.542	109.871.708.642	109.871.708.642
- Bộ Tài chính (*)	105.802.386.100	105.802.386.100	-	4.069.322.542	109.871.708.642	109.871.708.642

(\*) Vay dài hạn Bộ Tài chính theo hiệp định vay phụ giữa Bộ Tài chính và Công ty Cấp nước Hà Tĩnh (Nay là Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh) ngày 09/06/2009 sửa đổi ngày 14/05/2012. Hạn mức tín dụng 125.563.388.000 đồng, thời hạn vay 20 năm, lãi suất 5,4%/năm. Mục đích vay để đầu tư xây dựng Hệ thống cấp nước thành phố Hà Tĩnh và vùng phụ cận giai đoạn 2. Số dư vay dài hạn tại ngày 10/06/2015 là 105.802.386.100 đồng.

15. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Vốn khác của chủ sở hữu	Nguồn vốn đầu tư XDCB	LNST chưa PP và các quỹ	Cộng
Số dư đầu năm trước	192.708.753.483	-	-	12.642.727	1.114.531.731	193.835.927.941
Tăng vốn trong năm trước	12.678.612.952	15.565.464.183	-	5.452.211.800	-	33.696.288.935
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn năm trước	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	4.335.904.846	4.335.904.846
Kết chuyển nguồn vốn	-	-	-	2.325.161.433	-	2.325.161.433
Giảm khác	-	-	-	87.050.367	19.526.531	106.576.898
Số dư cuối năm trước	205.387.366.435	15.565.464.183	-	3.052.642.727	(3.240.899.646)	220.764.573.699
Tăng vốn trong kỳ	16.951.112.110 <sup>(1)</sup>	-	-	7.106.651.000 <sup>(3)</sup>	-	24.057.763.110
Lãi trong kỳ	-	-	-	-	-	-
Tăng khác	2.010.069.874 <sup>(2)</sup>	-	-	-	-	2.010.069.874
Giảm vốn trong kỳ	-	-	-	280.642.727 <sup>(3)</sup>	-	-
Lỗ trong kỳ	-	-	-	-	2.929.833.101	2.929.833.101
Giảm khác	9.008.334.263 <sup>(1)</sup>	15.565.464.183 <sup>(1)</sup>	-	-	5.160.550.083 <sup>(1)</sup>	29.734.348.529
Số dư cuối kỳ	215.340.214.156	-	-	9.878.651.000	(11.331.282.830)	213.887.582.326

<sup>(1)</sup> Tăng, giảm vốn theo Quyết định số 2634/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh.

<sup>(2)</sup> Tăng vốn do bán thanh lý tài sản, sử dụng lại vật tư, thu hồi được công nợ không tính vào giá trị doanh nghiệp theo Quyết định 2634/QĐ-UBND ngày 12/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

<sup>(3)</sup> Tăng vốn do được cấp bổ sung, giảm do kết chuyển tăng nguồn vốn kinh doanh.

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	10/6/2015	01/01/2015
Vốn góp của Nhà nước	215.340.214.156	205.387.366.435
<b>Cộng</b>	<b>215.340.214.156</b>	<b>205.387.366.435</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

	Đơn vị tính: đồng
	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
<b>16. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>_____</b>
<b>a) Doanh thu</b>	
Doanh thu kinh doanh nước sạch	24.050.566.196
Doanh thu hoạt động xây lắp	13.800.751.557
Doanh thu kinh doanh vật tư	123.644.761
Doanh thu kinh doanh nước tinh khiết, đá lạnh	156.971.693
<b>Cộng</b>	<b>38.131.934.207</b>
<b>17. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
Giảm giá hàng bán	133.669.605
<b>Cộng</b>	<b>133.669.605</b>
<b>18. Giá vốn hàng bán</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
Giá vốn kinh doanh nước sạch	15.909.195.512
Giá vốn hoạt động xây lắp	12.499.428.001
Giá vốn kinh doanh vật tư	112.113.618
Giá vốn kinh doanh nước tinh khiết, đá lạnh	125.271.830
<b>Cộng</b>	<b>28.646.008.961</b>
<b>19. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	692.975.701
<b>Cộng</b>	<b>692.975.701</b>
<b>20. Chi phí tài chính</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
Lãi tiền vay	2.647.297.780
<b>Cộng</b>	<b>2.647.297.780</b>
<b>21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
<b>a) Chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>5.772.168.555</b>
Chi phí nhân viên bán hàng	5.633.959.319
Chi phí bán hàng khác	138.209.236
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>3.572.185.711</b>
Chi phí nhân viên quản lý	2.024.866.227
Chi phí quản lý khác	1.547.319.484
<b>22. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố</b>	Từ 01/01/2015
	đến 10/06/2015
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.494.318.052
Chi phí nhân công	14.710.850.786
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.822.770.556
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.463.031.131
Chi phí khác bằng tiền	5.735.583.860
<b>Cộng</b>	<b>38.226.554.385</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ngày 11/06/2015 Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần lần đầu với mã số doanh nghiệp 3000101973 với số vốn điều lệ là 196.995.880.000 đồng tương ứng 19.699.588 cổ phần.

Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 11/06/2015 và đã tiến hành đổi con dấu. Theo đó, dấu đóng trên các báo cáo quyết toán đã được kiểm toán là dấu mới của Công ty cổ phần.

Ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**2. Báo cáo bộ phận**

*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo lĩnh vực kinh doanh*

	Nước sạch	Xây lắp	Khác	Tổng cộng
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	24.050.566.196	13.667.081.952	280.616.454	37.998.264.602
Khấu hao và chi phí phân bổ	27.479.639.864	12.920.635.695	237.385.448	40.637.661.007
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(3.429.073.668)	746.446.257	43.231.006	(2.639.396.405)

*Báo cáo bộ phận chính yếu: Theo khu vực địa lý*

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh nước sạch và xây lắp trong cùng khu vực địa lý không có sự khác biệt về điều kiện hoạt động sản xuất kinh doanh nên không có báo cáo bộ phận được trình bày

**3. Các sự kiện phát sinh trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Ngày 20/3/2015, Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đã ban hành Quyết định số 946/QĐ-UBND về việc điều chỉnh cơ cấu vốn điều lệ theo kết quả bán cổ phần khi thực hiện cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Cấp nước và Xây dựng Hà Tĩnh. Theo Quyết định này thì vốn điều lệ của Công ty là 196.995.880.000 đồng tương ứng 19.699.588 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó: cổ phần Nhà nước nắm giữ là 18.835.688 cổ phần, chiếm 95,62% vốn điều lệ; cổ phần bán ưu đãi cho người lao động là 410.100 cổ phần, chiếm 2,08% vốn điều lệ; cổ phần bán đấu giá công khai là 453.800 cổ phần, chiếm 2,30% vốn điều lệ.



4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam.

Như trình bày tại mục 01, thuyết minh III, kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

Khoản mục	Mã số	Số báo cáo năm trước	Số phân loại	Mã số	Số sau phân loại
<i>Bảng cân đối kế toán</i>					
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	14.719.379.821	279.924.269	130	14.999.304.090
Phải thu ngắn hạn khác	138	2.033.891.244	259.443.529	136	2.293.334.773
Tài sản thiếu chờ xử lý		-	20.480.740	139	20.480.740
Tài sản ngắn hạn khác	150	450.308.344	(279.924.269)	150	170.384.075
Tài sản ngắn hạn khác	158	279.924.269	(279.924.269)	155	-

Công ty không lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ 01/01/2014 đến 10/06/2014 nên không có số liệu để so sánh.

Tp Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Đâu Thị Mai Hạnh

Trần Thị Kim Oanh

Võ Ngọc Vinh

